

UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC
SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI
Số: 60 /QĐ-SGTVT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc
Bình Phước, ngày 14 tháng 02 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
V/v xử lý vi phạm trong hoạt động kinh doanh vận tải
GIÁM ĐỐC SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô;

Căn cứ Nghị định số 47/2022/NĐ-CP ngày 19/7/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô;

Căn cứ Quyết định số 05/2019/QĐ-UBND ngày 18/01/2019 của UBND tỉnh Bình Phước về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giao thông Vận tải tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Công văn số 181/SGTVT-VTPTNL ngày 22/02/2023 của Sở Giao thông vận tải tỉnh Bình Phước về việc yêu cầu kiểm tra, đối chiếu dữ liệu phương tiện vi phạm tốc độ trích xuất từ thiết bị giám sát hành trình tháng 12/2022;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Quản lý vận tải phương tiện và người lái,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thu hồi 37 phù hiệu của 15 đơn vị kinh doanh vận tải có phương tiện vi phạm tốc độ theo quy định.

(Phụ lục kèm theo)

* Lý do thu hồi phù hiệu: có từ 05 lần vi phạm tốc độ/1000 km xe chạy (không tính các trường hợp vi phạm tốc độ từ 05 km/h trở xuống) theo quy định tại điểm b khoản 10 Điều 22 của Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 của Chính phủ (số liệu trích xuất tháng 12/2022 từ ngày 01/12/2022 đến ngày 31/12/2022).

Điều 2. Trách nhiệm của các đơn vị kinh doanh vận tải, các bến xe khách.

1. Các đơn vị kinh doanh vận tải

- Có tên tại Điều 1 của Quyết định này chịu trách nhiệm nộp lại phù hiệu xe bị thu hồi nêu trên về Sở Giao thông Vận tải tỉnh Bình Phước thông qua Phòng Quản lý vận tải phương tiện và người lái trong vòng **07 ngày** kể từ ngày ký quyết định này.

- Không được sử dụng phù hiệu bị thu hồi để tham gia hoạt động kinh doanh vận tải.



- Tổ chức kiểm điểm, chấn chỉnh công tác quản lý hoạt động của bộ phận theo dõi an toàn giao thông; yêu cầu đội ngũ lái xe nghiêm chỉnh chấp hành các quy định về tốc độ và thời gian lái xe, thường xuyên kiểm tra thiết bị giám sát hành trình bảo đảm duy trì tình trạng kỹ thuật tốt, hoạt động liên tục và truyền dẫn dữ liệu theo quy định trong suốt quá trình tham gia giao thông.

- Nếu có nhu cầu tiếp tục sử dụng phương tiện tham gia hoạt động kinh doanh vận tải thì đơn vị kinh doanh vận tải làm thủ tục để cấp lại phù hiệu theo quy định tại khoản 8 Điều 1 Nghị định 47/2022/NĐ-CP ngày 19/7/2022 của Chính phủ.

2. Các bên xe khách không xác nhận vào Lệnh vận chuyển đối với phương tiện kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định bị thu hồi phù hiệu tại Điều 1 của Quyết định này.


Điều 3. Giao các phòng, ban, đơn vị thuộc Sở:

1. Phòng Quản lý vận tải phương tiện và người lái có trách nhiệm tổ chức thực hiện thu hồi phù hiệu các phương tiện nêu tại Điều 1 của Quyết định này, lập và giao biên bản thu hồi phù hiệu cho đơn vị kinh doanh vận tải.

2. Thanh tra Giao thông vận tải phối hợp các lực lượng chức năng tăng cường tuần tra kiểm soát, xử lý nghiêm theo quy định đối với các trường hợp phương tiện còn sử dụng phù hiệu bị thu hồi nêu trên vào hoạt động kinh doanh vận tải.

Điều 4. Các ông (bà) Chánh văn phòng Sở, Chánh Thanh tra Giao thông vận tải, Trưởng phòng Quản lý vận tải phương tiện và người lái, thủ trưởng các đơn vị kinh doanh vận tải tại Điều 1 và các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm thi hành quyết định này. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. /.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- UBND tỉnh;
- Cục ĐBVN;
- Ban Giám Đốc Sở;
- Sở GTVT các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Phòng CSGT - Công an tỉnh;
- Website Sở, Phòng QLVTPTNL, Thanh tra GTVT;
- Các bên xe khách;
- Lưu: VT. 



Đỗ Văn Phong

PHỤ LỤC

DANH SÁCH PHƯƠNG TIỆN CÁC ĐƠN VỊ VI PHẠM TỐC ĐỘ TỪ 05 LÀN/1000 Km/h



(Kèm theo Quyết định số 09/QĐ-SGTVT ngày 27/02/2023 của Sở GTVT tỉnh Bình Phước)

Từ ngày: 01/12/2022 Đến ngày: 31/12/2022

STT	Biển kiểm soát	Loại hình	Đơn vị vận tải	Đơn vị truyền dữ liệu	Vi phạm		
					Lần	Tổng km hành trình	
1	50F02947	Xe tuyến cố định	CN CÔNG TY CPĐT PT HOÀNG YẾN LOGISTICS TẠI BÌNH PHƯỚC	Công ty cổ phần Công nghệ Euphin Việt Nam	98	12,64368	7.750,91
2	50F03267	Xe tuyến cố định	CN CÔNG TY CPĐT PT HOÀNG YẾN LOGISTICS TẠI BÌNH PHƯỚC	Công ty cổ phần Công nghệ Euphin Việt Nam	91	9,58443	9.494,56
3	51B23369	Xe tuyến cố định	CN HTX VTDL HIỆP PHÚ XE THÀNH ĐẠT TẠI BÌNH PHƯỚC	Công ty TNHH TM điện tử Vinh Hiền (VECOM)	62	5,68885	10.898,52
4	93H03082	Xe tải	CÔNG TY CP KHAI THÁC ĐẦU KHÍ BẠCH HỒ	Công ty Cổ phần Điện tử viễn thông Anh Dương	49	9,488722	5.164,84
5	93C09257	Xe Container	CÔNG TY TNHH MTV DUY KHOA	Vietel Tracking	6	6,00000	913,82
6	93C08040	Xe tải	CÔNG TY TNHH MTV TMDV THANH TUYẾN	Công ty Cổ phần Điện tử viễn thông Anh Dương	30	8,41170	3.566,46
7	93C11783	Xe Container	CÔNG TY TNHH MTV VT PHÚ VINH	Công ty TNHH Phát triển công nghệ điện tử Bình Anh	48	7,26736	6.604,87
8	93C12362	Xe Container	HTX VẠN TÀI 19/5	Công ty TNHH Phát triển công nghệ điện tử Bình Anh	105	12,61388	8.324,16
9	93C13866	Xe tải	HTX VẠN TÀI 19/5	CÔNG TY TNHH ĐIỆN TỬ VIỆN THÔNG BÌNH MINH	78	30,21347	2.581,63
10	93F00648	Xe hợp đồng	HTX VẠN TÀI 19/5	Công ty Cổ phần Điện tử viễn thông Anh Dương	39	6,51738	5.983,81
11	50H17220	Xe Container	HTX VẠN TÀI 19/5	Công ty Cổ phần Điện tử viễn thông Anh Dương	35	6,81570	5.135,20
12	50H17320	Xe Container	HTX VẠN TÀI 19/5	Công ty Cổ phần Điện tử viễn thông Anh Dương	32	7,29202	4.388,36
13	93C07048	Xe tải	HTX VẠN TÀI 19/5	Công ty Cổ phần Điện tử viễn thông Anh Dương	23	7,83045	2.937,25
14	93H02316	Xe tải	HTX VẠN TÀI 19/5	Công ty Cổ phần Điện tử viễn thông Anh Dương	22	7,37096	2.984,69
15	93F00578	Xe hợp đồng	HTX VẠN TÀI 19/5	Công ty Cổ phần VCOMSAT	20	10,85545	1.842,39
16	93H03860	Xe Container	HTX VẠN TÀI 19/5	Công ty Cổ phần Điện tử viễn thông Anh Dương	17	5,66518	3.000,79
17	93F00042	Xe hợp đồng	HTX VẠN TÀI 19/5	Công ty cổ phần TCT Toàn Cầu	15	9,71899	1.543,37
18	93H02562	Xe tải	HTX VẠN TÀI 19/5	Công ty cổ phần TCT Toàn Cầu	10	6,26478	1.596,22
19	49F00091	Xe hợp đồng	HTX VẠN TÀI 19/5	Công ty cổ phần TCT Toàn Cầu	10	5,53813	1.805,66
20	93H02234	Xe tải	HTX VẠN TÀI 19/5	CÔNG TY TNHH ĐIỆN TỬ VIỆN THÔNG BÌNH MINH	8	5,85472	1.366,42
21	93H00306	Xe tải	HTX VẠN TÀI 19/5	Công ty TNHH một thành viên INSTEK	8	8,00000	875,55
22	93B01169	Xe hợp đồng	HTX VẠN TÀI BÌNH LONG	Công ty cổ phần TCT Toàn Cầu	22	12,34209	1.782,52
23	93H03357	Xe tải	HTX VẠN TÀI ĐỒNG TIỀN	Công ty Cổ phần Điện tử viễn thông Anh Dương	57	7,40326	7.699,31
24	48H00123	Xe tải	HTX VẠN TÀI ĐỒNG TIỀN	Công ty Cổ phần Điện tử viễn thông Anh Dương	47	14,77272	3.181,54
25	93H03509	Xe tải	HTX VẠN TÀI ĐỒNG TIỀN	Công ty Cổ phần Điện tử viễn thông Anh Dương	26	5,01746	5.181,91
26	93H01499	Xe tải	HTX VẠN TÀI ĐỒNG TIỀN	Công ty cổ phần TCT Toàn Cầu	25	12,43936	2.009,75
27	93C07812	Xe tải	HTX VẠN TÀI ĐỒNG XOÀI	Công ty Cổ phần VCOMSAT	16	16,00000	835,75
28	93C08611	Xe tải	HTX VẠN TÀI ĐỒNG XOÀI	CÔNG TY TNHH TARIS	16	7,42371	2.155,26
29	93B01023	Xe hợp đồng	HTX VẠN TÀI LỘC NINH	Công ty Cổ phần VCOMSAT	11	5,60440	1.962,74
30	93C06808	Xe tải	HTX VẠN TÀI LỘC NINH	Công ty TNHH Viễn thông Khánh Hội	6	6,00000	748,81
31	93F00170	Xe hợp đồng	HTX VẠN TÀI LỘC NINH	Công ty cổ phần TCT Toàn Cầu	6	6,00000	937,18
32	93C02388	Xe tải	HTX VẠN TÀI LỘC LONG	Công ty CP Điện tử Viễn Thông NASA	12	5,18636	2.313,76
33	93C05613	Xe tải	HTX VẠN TÀI PHƯỚC LONG	Công ty CP Điện tử Viễn Thông NASA	12	6,97165	1.721,26
34	93C12128	Xe tải	HTX VẠN TÀI SONG LONG	Công ty cổ phần TCT Toàn Cầu	17	5,68509	2.990,28
35	93H00008	Xe đầu kéo	HTX VẠN TÀI SỐ 1	Công ty cổ phần TCT Toàn Cầu	43	9,85704	4.362,36
36	93C03882	Xe tải	HTX VẠN TÀI SỐ 1	Công ty TNHH Phát triển công nghệ điện tử Bình Anh	27	8,41808	3.207,38
37	93B00706	Xe hợp đồng	NGUYỄN TRI PHƯƠNG	Công ty cổ phần TCT Toàn Cầu	13	7,98467	1.628,12

